

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành

2. Ông Võ Văn Nhu.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Phúc N, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, thôn P, xã S, huyện D, Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Thôn H, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, thôn P, xã S, huyện D, Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Phúc N và ông Nguyễn Minh K.

- Về con chung: Bà Bùi Phúc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hoàng A - sinh ngày 26/01/2011 và Nguyễn Hoàng Phước A - sinh ngày 01/02/2015; ông Nguyễn Minh K cấp dưỡng nuôi mỗi

con chung hàng tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu Phước A, cháu Hoàng A đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông K đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Phúc N và ông Nguyễn Anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Bùi Phúc N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002008 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông K nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kì.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- UBND xã S (nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

